

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày: 17/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TAND THỊ XÃ T C, TỈNH A G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm M S

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh T H; Nơi công tác: Hội cựu chiến binh thị xã T C.
2. Bà Cù T N T; Nơi công tác: Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Long An.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm P T– Thư ký TAND thị xã T C, tỉnh A G.

Đại diện V k s nhân dân thị xã T C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần V C- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án TAND thị xã T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 18/11/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 26/11/2021, đối với bị cáo:

P B D, sinh ngày 05/02/2004; nơi cư trú: Khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh Hùng (chết) và bà P T D, sinh năm 1984; anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ nhất.

- Ngày 16/9/2021, bị TAND thị xã T C, tỉnh A G xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án đã có hiệu lực.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - CA thị xã T C từ ngày 30/9/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn V V, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp T H A2, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Huỳnh V T (R), sinh ngày 03/12/2005. Nơi cư trú: Khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

+ Phạm C K, sinh ngày 09/12/2011. Nơi cư trú: ấp V T B, xã V H, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

+ Võ T H, sinh ngày 02/9/2009. Nơi cư trú: ấp T P B, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

+ Ông Trịnh L H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: khóm L T D, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

+ Bà Đinh T C T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp T P B, xã T A, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Phạm B L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

+ Bà Phạm T N, sinh năm 1980 (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần P T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở Tư pháp tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 8/18, đường Lý Thường Kiệt, phường M B, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt).

+ *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà P T D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khóm L T A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

+ *Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm C K:* Bà Phạm N B, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp V T B, xã V H, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

+ *Người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ T H và Huỳnh V T (R):* Bà Nguyễn T K T, sinh năm 1990. Là Bí thư Đoàn phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/8/2021, P B D, Huỳnh V T (R), sinh ngày 03/12/2005, Võ T H, sinh ngày 02/9/2009 và Phạm C K, sinh ngày 09/12/2011, đang ở Quảng Trường thị xã T C. Lúc này, cả nhóm rủ nhau đi bộ về hướng cầu Tân An để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả nhóm đi qua cầu Tân An, rẽ trái đi được khoảng 02 km, D và T phát hiện 01 căn chòi thuộc ấp T H A2, xã T A, thị xã T C của ông Nguyễn V V, bên trong căn chòi có dựng

02 xe mô tô, 01 xe biển số 67F6-9359 màu xanh, hiệu Minh Xing và 01 xe biển số 67U1- 3269, màu xanh - đen, hiệu Honda, loại Wave RS, trên 02 xe có gắn sẵn chìa khóa. D và T đi vào lấy trộm xe, H và K đứng bên ngoài canh giới. D đi vào lấy trộm xe biển số 67F6-9359 chở K, T đi vào lấy trộm xe biển số 67U1-3269 chở H. Sau khi lấy trộm xong, cả nhóm cùng đi về khu vực bãi rác thuộc phường L T, thị xã T C kiểm tra tài sản bên trong cốp xe thì chỉ có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67F6-9359 nên T ném bỏ. Sau đó, cả nhóm điều khiển 02 xe mô tô trên đến hẻm Y Tuyền Tiến thuộc khóm Long Thạnh D, phường L T. Khi đến hẻm Y Tuyền Tiến thì H và K đi về trước, D và T bán xe mô tô biển số 67F6-9359 cho người nam khoảng 30 tuổi với giá 400.000 đồng. D và T chia nhau mỗi người 200.000 đồng tiêu xài. Sau khi bán xe xong, T điều khiển xe mô tô 67U1- 3269 chở D đến bờ kè T C, T tháo biển số xe ném xuống sông bỏ, sau đó cả 02 về nhà ngủ.

Sau đó, ông Nguyễn V V phát hiện bị mất trộm tài sản nên ông đã đến Công an xã Tân An, thị xã T C để trình báo sự việc trên. Đến ngày 18/8/2021, hành vi lấy trộm của D, T, H và K bị phát hiện.

Ngày 29/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - CA thị xã T Cra Quyết định khởi tố vụ án và Quyết định khởi tố bị can đối với P B D.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, màu xanh-đen, không có biển số, số máy 2128645, số khung 627715, đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Minh Xing, màu xanh, biển số 67F6- 9359, đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 115/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T C, xác định: 01 xe mô tô biển kiểm soát 67F6- 9359, màu xanh, nhãn hiệu Minh Xing, đã qua sử dụng, trị giá 800.000 đồng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 67U1- 3269 màu xanh-đen, nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, có cốp màu đen, số máy 2128645, số khung 627715, đã qua sử dụng, trị giá 4.000.000 đồng. Tổng trị giá: 4.800.000 đồng.

Cáo trạng số 86/CT-VKSTC ngày 08 tháng 11 năm 2021 của V k s nhân dân thị xã T C truy tố bị cáo P B D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: bị cáo P B D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại ông Nguyễn V V trình bày phù hợp với nội dung vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh V T (R) Võ T H, Phạm C K, ông Trịnh L H

và bà Đinh T C T; người làm chứng ông Phạm B L và Phạm T N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện V k s nhân dân thị xã T C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo P B D về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo P B D mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện V k s đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án hình sự này và bản án hình sự sơ thẩm ngày 16/9/2021 của TAND thị xã T C, tỉnh A G xử phạt bị cáo P B D 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, án đã có hiệu lực.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về việc kết luận bị cáo P B D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị không lớn và đã thu hồi trả cho bị hại, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện V k s.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại không tranh luận với đại diện V k s, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện V k s, không có ý kiến khác.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo P B D bị Cơ quan điều tra - CA thị xã T C khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực thuộc ấp T H A2, xã T A, thị xã T C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã T C, tỉnh A G.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T C, Điều tra viên; V k s nhân dân thị xã T C, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh V T (R), Võ T H, Phạm C K, ông Trịnh L H và bà Đinh T C T; người làm chứng ông Phạm B L và Phạm T N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do không có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/8/2021, cả nhóm gồm có: P B D, Huỳnh V T (R), Võ T H và Phạm C K rủ nhau đi tìm kiếm tài sản để lấy trộm, vào khoảng 22 giờ khi đến căn chòi của ông Nguyễn V V thuộc ấp Tân Hậu A2, xã Tân An, thị xã T C. Lúc này D và T nhìn thấy bên trong căn chòi có dựng 02 xe mô tô, trên 02 xe có gắn sẵn chìa khóa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm tài sản. D và T đi vào lấy trộm xe, H và K đứng bên ngoài canh giới và canh đường. D đi vào lấy trộm xe biển số 67F6-9359 chở K, T đi vào lấy trộm xe biển số 67U1- 3269 chở H. Sau khi lấy trộm được 02 xe cả nhóm dắt thêm 01 đoạn đường, chạy xe cùng đi về và kiểm tra tài sản bên trong cốp xe thì chỉ có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67F6-9359 nên T ném bỏ. Sau đó, D và T bán xe mô tô biển số 67F6-9359 cho người nam không rõ họ tên và địa chỉ với giá 400.000 đồng. D và T chia nhau mỗi người 200.000 đồng để tiêu xài. Tài sản bị cáo lấy trộm tổng trị giá 4.800.000 đồng theo biên bản định giá tài sản số 115/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T C, tỉnh An Giang.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo P B D đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn V V trị giá 4.800.000 đồng đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2....

3....

4....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Như vậy, Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2021 của VKS nhân dân thị xã T C truy tố hành vi phạm tội của bị cáo D về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không làm oan cho bị cáo.

[2] Hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng do xuất phát từ bản tính tham lam, chạy lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông Nguyễn V V một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần pH xử phạt nghiêm đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và đề phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có thể hiện vai trò đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, bị cáo với Huỳnh Văn T, Võ T H và Phạm C K có tiếp nhận ý chí của nhau, có sự bàn bạc để thống nhất hành động lấy trộm tài sản của ông Nguyễn V V. Nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, Huỳnh Văn T, Võ T H và Phạm C K

chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra - CA thị xã T C không khởi tố và CA thị xã T C xử phạt hành chính là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo D có nhân thân xấu, ngày 01/6/2021 bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra CA thị xã T C khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản”, cho bị cáo tại ngoại và cấm đi khỏi nơi cư trú để chờ xử lý, đến ngày 16/9/2021 bị cáo TAND thị xã T C, tỉnh A G xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Lẽ ra bị cáo phải sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân tốt nhưng bị cáo không làm được điều đó và tiếp tục thực hiện việc phạm tội. Do đó, cần xử phạt mức án nghiêm đối với bị cáo vừa để phù hợp và cũng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tổng hợp hình phạt: Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện V k s áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo D theo bản án số 82/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 của TAND thị xã T C là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe biển số 67F6-9359 màu xanh, hiệu Ming Xing;

- 01 xe biển số 67U1- 3269, màu xanh - đen, hiệu Honda, loại Wave RS.

Các vật chứng này trong quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn V V, đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với người nam đã mua xe mô tô do bị cáo D bán chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – CA thị xã T C chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

[7] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo P B D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, nhân thân, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo P B D pH chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: bị cáo P B D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: P B D 01 (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 16-9-2021 của TAND thị xã T C, tỉnh A G, buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 30/9/2021.

2. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Bị cáo P B D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.*

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.T C;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TX T C;
- Công an TX.T C;
- Nhà Tạm giam (nếu có);
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND xã, phường (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa (nếu có);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm M S